TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH TẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2023/HN&GĐ-ST
Ngày: 28-8-2023
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH TẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Hoàng Mỹ Dung;

2/ Ông Trần Văn Sơn.

Thư ký phiên toà: Ông Bùi Chí Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Tận.

Đại diện Viên kiểm sát nhân dân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Tận – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Tận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 209/2023/TLST-HN&GĐ ngày 12 tháng 05 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2023/QĐXXST-HN&GĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2023/QĐST-HN&GĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Hồng T, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Đường Hàm Nghi, khu phố 2, thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Tận.

- Bị đơn: Anh Lê Thanh S, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Số 170, đường Nguyễn An Ninh, khu phố 4, thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Tận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh S tự nguyện yêu thương nhau. Năm 2009 chúng tôi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu Tẫn, do anh S hay uống rượu mỗi khi say xỉn thì không làm chủ bản thân mà chữi bới đánh đập vợ, vô cớ đánh con, ít khi lo làm ăn, nhậu nhẹt thường xuyên, gia đình khuyên nhủ không nghe. Năm 2013, chị T và anh S sống ly thân 02 năm, sau đó về đoàn tụ nhưng anh S không thay đổi, tính nào tật ấy. Năm 2020, chị T có đơn khởi kiện ly hôn, Tòa án hòa giải, chị T rút yêu cầu về đoàn tụ. tuy nhiên, từ đó cho đến nay chị

T và anh S không về chung sống với nhau. Đến nay chị T không còn tình cảm vợ chồng với anh S nữa. Chị T xác định vợ chồng không còn tình cảm yêu thương quý trọng nhau, mâu Tẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, không hàn gắn được nên chị T yêu cầu ly hôn anh S.

Về con chung, tài sản chung và nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có đơn xin xét xử vắng mặt. Nhuyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Tận phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhập yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trương Thị Hồng T ly hôn anh Lê Thanh S.

Về con chung, tài sản chung và nợ: Không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Trương Thị Hồng T khởi kiện ly hôn đối với bị đơn Lê Thanh S; bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại khu phố 4, thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Tận.

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Tận.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và không có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Căn cứ bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 14, đăng ký ngày 25/02/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Tận, có căn cứ khẳng định chị T và anh S tự nguyện kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Tận. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh S được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Chị T và anh S tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân; sau khi tổ chức lễ cưới thì anh chị sống chung với nhau như vợ chồng được vài năm thì phát sinh mâu Tẫn, nguyên nhân mâu Tẫn theo lời khai của chị T và anh S là do anh S thường xuyên sử dụng rượu, đánh đập chị và không chăm lo cho gia đình, hiện tại chị T và anh S đã sống ly thân, không còn quan hệ như vợ chồng; quá trình hòa giải chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết yêu cầu được ly hôn anh S, nhưng anh S không có động thái nào tác động để chị T thay đổi ý định ly hôn anh S.

Qua kết quả xác minh đối với bà Trương Thị Tiến (mẹ của chị T) vào ngày 7/7/2023 cũng xác định giữa chị T và anh S có mâu Tẫn, hiện tại chị T và anh S không còn chung sống như vợ chồng.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh S đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh S.

[3.2] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị T khai giữa chị T và anh S có với nhau 02 con chung tên Lê Thanh Đ, sinh ngày 08/01/2010 và Lê Thị Thanh X, sinh ngày 05/3/2018. Tuy nhiên, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp nuôi con; do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tranh chấp về nuôi con trong vụ án này. Các bên đương sự có quyền khởi kiện để Tòa án có thẩm quyền giải quyết trong vụ án dân sự khác.

[3.3] Về tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị T về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phù hợp với những nhận định nêu trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 138; các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 54, 56, 58 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Hồng T.

1. Về hôn nhân: Chị Trương Thị Hồng T ly hôn anh Lê Thanh S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 14, đăng ký ngày 25/02/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Tận giữa anh Lê Thanh S và chị Trương Thị Hồng T hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ: Không xem xét giải quyết trong vụ án này.

3. Về án phí: Chị Trương Thị Hồng T phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Tận theo biên lai T số 0015061ngày 12/5/2023. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND TT. Võ Xu; (khi án có hiệu lực)
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Tận